

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: **01/2025/HNGĐ-ST**
Ngày 22-01-2026.
“V/v xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vàng Thị Dưa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chảo Phù Hiền và ông Khoàng Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Giàng A Khở - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025; Về việc xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Vàng Thị N, sinh ngày 09/10/1994.

Địa chỉ: Bản N, xã Mường, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Giàng A T, sinh ngày 01/01/1984.

Địa chỉ: Bản N, xã M, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại phân trại số 1, Trại giam Yên Hạ, Cục C10, Bộ Công an, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Bùi Đức P, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

Tại phiên tòa vắng mặt các đương sự, có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vàng Thị N khai như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vàng Thị N và anh Giàng A T chung sống với nhau năm 2017 do tự nguyện, đến ngày 16/9/2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (Ny là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Điện Biên). Vợ chồng chung sống hạnh P hơn 07 năm, giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Đến tháng 4 năm 2024 anh Giàng A T theo bạn bè làm ăn, đã vi phạm pháp luật về tội ma túy. Trong thời gian vợ chồng sống chung anh Giàng A T chịu khó làm ăn, chăm lo cho vợ con, giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, tuy vẫn xảy ra cãi vã nhỏ trong cuộc sống. Đến tháng 4/2025 anh Giàng A T bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy. Trong thời gian anh Giàng A T bị đi tù chị N và gia đình anh Giàng A T đã đi thăm anh T tại trại tạm giam số 1, Công an tỉnh Lào Cai vài lần. Từ thời gian tháng 8/2025 thì anh Giàng A T vẫn đang ở tại trại tạm giam số 1, Công an tỉnh Lào Cai, chị N nghe nói anh Giàng A T chỉ ở đó tạm thời, chờ xét xử P thẩm. Về sau chị được biết anh Giàng A T đã chuyển trại đi chấp hành án phạt tù tại trại giam Yên Hạ, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La. Do điều kiện khó khăn nên chị N và gia đình anh Giàng A T chưa đi thăm anh T tại trại giam Yên Hạ lần nào. Sau khi anh Giàng A T đi tù, chị N một mình phải nuôi 02 con, cuộc sống gặp nhiều khó khăn. Về tình cảm vợ chồng với anh T không còn gì, mục đích của hôn nhân không đạt được, Ny chị N yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên giải quyết ly hôn với anh Giàng A T để ổn định cuộc sống.

- *Về con chung:* Có 02 con chung chưa thành niên là Giàng Thị N, sinh ngày 09/01/2017 và Giàng A P, sinh ngày 08/3/2020.

Khi ly hôn chị N yêu cầu Tòa án xem xét cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung đến trưởng thành, có khả năng lao động, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Sơn La tại Phân trại số 1, Trại giam Yên Hạ, Cục C10- Bộ Công an, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La, bị đơn Giàng A T đã khai:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Giàng A T và chị Vàng Thị N kết hôn năm 2018 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (Ny là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Điện Biên). Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh P đến tháng 4 năm 2024 anh Giàng A T bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy. Ny chị Vàng Thị N xin ly hôn với anh T tại Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên, anh Giàng A T không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Có 02 con chung chưa thành niên là Giàng Thị N, sinh ngày 09/01/2017 và Giàng A P, sinh ngày 08/3/2020, hiện hai cháu đang sống cùng chị Vàng Thị N tại bản N, xã M, tỉnh Điện Biên. Về con chung, anh Giàng A T đề nghị giải quyết việc giao con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Vàng Thị N được ly hôn với anh Giàng A T.

- Giao con chung, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, đơn đề nghị ở với mẹ của cháu Giàng Thị N và yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung chưa thành niên của chị N. Giao cả 02 con chung chưa thành niên là Giàng Thị N, sinh ngày 09/01/2017 và Giàng A P, sinh ngày 08/3/2020 cho chị Vàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị miễn án phí Dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn Vàng Thị N do là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Vàng Thị N, Tòa án xác định đây là vụ án: Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ việc trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chị Vàng Thị N có đơn xin vắng mặt. Bị đơn anh Giàng A T đang đi chấp hành án phạt tù tại phân trại số 1, Trại giam Yên Hạ, Cục C10, Bộ Công an, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La, không có điều kiện tham gia phiên tòa nên có đơn xin vắng mặt, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 2017, chị N và anh Giàng A T về chung sống với nhau trên cơ sở tự

nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 16/9/2018. Hai anh chị đã có thời gian chung sống hạnh P hơn 07 năm và có 02 con chung với nhau. Đến tháng 4 năm 2024 anh T theo bạn bè làm ăn, đã vi phạm pháp luật về tội mua bán trái phép chất ma túy. Về tình cảm vợ chồng với anh T không còn gì, mục đích của hôn nhân không đạt được, Ny chị N yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên giải quyết ly hôn với anh Giàng A T để ổn định cuộc sống. Bị đơn anh T không đồng ý ly hôn. Hiện bị đơn anh T đang chấp hành án nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207/BLTTDS năm 2015. Xét thấy mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh P, tin tưởng, thương yêu nhau, anh T đang chấp hành án trong trại, không có biện pháp đảm bảo kéo dài cuộc hôn nhân. Như vậy đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh P không đạt được. Vì vậy việc chị N xin ly hôn với anh T là có căn cứ. Để đảm bảo quyền lợi cho chị N căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận cho chị Vàng Thị N được ly hôn với anh Giàng A T.

[4] Về con chung: Chị N và anh T đều công nhận vợ chồng có 02 con chung chưa thành niên là Giàng Thị N, sinh ngày 09/01/2017 và Giàng A P, sinh ngày 08/3/2020. Chị N xin được nuôi cả 02 con chung chưa thành niên cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu được trực tiếp được nuôi dưỡng cả 02 con chung của chị N thấy: Hiện bị đơn anh Giàng A T đang trong thời gian chấp hành án nên không có điều kiện nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con chung. Tại biên bản xác minh ngày 14/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên, chính quyền xã Mường Toong cho biết chị Vàng Thị N có nghề nghiệp chính làm ruộng nương có đủ điều kiện để nuôi con chung chưa thành niên. Hơn nữa cháu Giàng Thị N, trên 07 tuổi có đơn đề nghị Tòa án xem xét cho cháu được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con chưa thành niên, căn cứ Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Vàng Thị N, tuyên giao cả 02 con chung chưa thành niên cho chị Vàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành và có khả năng lao động. HĐXX chấp nhận việc chị Vàng Thị N tự nguyện không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời tuyên các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vàng Thị N và anh Giàng A T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Vàng Thị N là người dân tộc thiểu số cư trú tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ và có đơn xin miễn án phí nên theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Vàng Thị N được miễn án

phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 71, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử chị Vàng Thị N được ly hôn với anh Giàng A T.

2. Về giao con chung: Tuyên giao cả 02 con chung chưa thành niên là Giàng Thị N, sinh ngày 09/01/2017 và Giàng A P, sinh ngày 08/03/2020 cho nguyên đơn chị Vàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành và có khả năng lao động.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung theo Điều 82 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vàng Thị N và anh Giàng A T không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vàng Thị N được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày giao, nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn;
- VKSND khu vực 5, tỉnh Điện Biên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Phòng Giám đốc, Thanh tra, Kiểm tra và THA
Tòa án tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Mường Toong, tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vàng Thị Dưa

